

Số: 1675/2022/QĐST-DS

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v yêu cầu tuyên bố một người là đã chết

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Lê Thanh Phong.

Thư ký phiên họp: Ông Hoàng Minh Hải - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Ông Lê Huỳnh Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 115/2022/TLST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2022 về việc "Yêu cầu tuyên bố một người là đã chết" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 4958/2022/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- ***Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*** Bà Phạm Thị Bạch H, sinh năm: 1954; địa chỉ: Số 145A- 145G đường Đ, phường C, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm: 1982; địa chỉ: Số 145A- 145G đường Đ, phường C, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 11/01/2022) (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Nguyễn Định T, sinh năm: 1958, là luật sư, Văn phòng Luật sư Định Tường thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1/ Bà Phạm Thị T1, sinh năm: 1942; địa chỉ: Khu phố H, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2/ Bà Phạm Thị T2, sinh năm: 1947; địa chỉ: Số 145A- 145G đường Đ, phường C, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Bà Phạm Thị N, sinh năm: 1949; địa chỉ: Số 243/46/14/1 H, Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/ Bà Phạm Thị Bạch Y, sinh năm: 1958; địa chỉ: Khu phố H, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện hợp pháp của bà Phạm Thị Trâm, bà Phạm Thị Tho, bà Phạm Thị Nguyệt, bà Phạm Thị Bạch Yến: Ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm: 1982; địa chỉ: Số 145A- 145G đường Đ, phường C, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 11/01/2022) (có mặt).

5/ Ông Phạm Văn H (Nguyễn Văn H), sinh năm: 1963; địa chỉ: 41 J NSW 2166, Australia.

Đại diện hợp pháp của ông Phạm Văn H (Nguyễn Văn H): Ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm: 1982; địa chỉ: Số 145A- 145G đường Đ, phường C, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Giấy ủy quyền ngày 30/5/2022) (có mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu tuyên bố một người là đã chết của bà Phạm Thị Bạch H, bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền của bà H (ông Nguyễn Ngọc L):

Ông Phạm Văn M, sinh năm 1915 và bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1922 có 09 người con, trong đó có 08 người con chung bao gồm: Ông Phạm Văn V, sinh năm 1940, bà Phạm Thị T1, sinh năm 1942, bà Phạm Thị T3, sinh năm 1945 (chết năm 2021), bà Phạm Thị T2, sinh năm 1947, bà Phạm Thị N, sinh năm 1949, bà Phạm Thị Bạch H, sinh năm 1954, bà Phạm Thị Bạch T4, sinh năm 1956 (chết năm 2010), bà Phạm Thị Bạch Y, sinh năm 1958 và 01 người con riêng của bà Nguyễn Thị G là ông Phạm Văn H (Nguyễn Văn H), sinh năm 1963. Trước ngày 30/4/1975 ông Phạm Văn V sống riêng một mình, sau đó ông V mất tích, không có tin tức liên lạc từ năm 1976, những người trong gia đình hoàn toàn không biết tin tức ông V còn sống hay đã chết. Nay bà Phạm Thị Bạch H làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Phạm Văn V là đã chết để làm thủ tục về tài sản theo quy định của pháp luật. Ông Phạm Văn V trước khi mất tích chưa kết hôn và không có vợ con.

Theo bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị T1, bà Phạm Thị T2, bà Phạm Thị N và bà Phạm Thị Bạch Y (ông Nguyễn Ngọc L) và đơn đồng ý đề ngày 30/5/2022 của ông Phạm Văn H (Nguyễn Văn H) được công chứng tại Lãnh sự quán Việt Nam tại Sydney, Australia:

Các ông bà cùng thống nhất ý kiến yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tuyên bố ông Phạm Văn V là đã chết.

Tại phiên họp sơ thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Ngọc L trình bày giữ nguyên ý kiến và yêu cầu Tòa án tuyên bố một người là đã chết đối với ông Phạm Văn V.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự ông Nguyễn Đình T: Đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của Bộ luật dân sự tuyên bố ông Phạm Văn V là đã chết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Quá trình thụ lý hồ sơ và tại phiên họp, Thẩm phán chủ tọa phiên họp, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Bạch H về việc yêu cầu tuyên bố ông Phạm Văn V, sinh năm 1940; nơi cư trú cuối cùng: Số 145A- 145G đường Đ, phường C, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh là đã chết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà Phạm Thị Bạch H có đơn yêu cầu tuyên bố một người là đã chết đối với ông Phạm Văn V, sinh năm 1940. Căn cứ giấy đề nghị xác nhận hộ khẩu gốc được Công an Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận ngày 28/8/1999, xác định ông Phạm Văn V có đăng ký hộ khẩu ở số 145A- 145G đường Đ, phường C, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 1976. Do đó, có cơ sở xác định ông Phạm Văn V có nơi cư trú cuối cùng tại Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Mặt khác, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn H (Nguyễn Văn H) đang ở nước ngoài, nên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 27, điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Căn cứ Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 6 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ việc dân sự, Tòa án đưa các ông (bà) Phạm Thị T1, Phạm Thị T2, Phạm Thị N, Phạm Thị Bạch Y và Phạm Văn H (Nguyễn Văn H) tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về nội dung vụ việc và yêu cầu của đương sự:

Theo kết quả xác minh của Công an phường C, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Phạm Văn V không thực tế cư trú tại địa chỉ 145A- 145G đường Đ, phường C, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 1976.

Ngày 25/4/2022, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định thông báo tìm kiếm người bị yêu cầu tuyên bố là đã chết số: 4456/2022/QĐ-TA. Quyết định này được đăng tải trên báo Thanh niên 03 (ba) số liên tiếp là số 118 ngày 28/4/2022, số 119 ngày 29/4/2022, số 120 ngày 30/4/2022; phát sóng trên Đài Tiếng nói Việt Nam 03 (ba) lần vào các ngày 09/5/2022, 10/5/2022 và 11/5/2022 và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của

Tòa án nhân dân tối cao; đã hết thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày đăng thông báo lần đầu tiên ông Phạm Văn V vẫn không có mặt, không có thông tin gì về ông Phạm Văn V.

Như vậy, có căn cứ xác định ông Phạm Văn V đã biệt tích từ năm năm liền trở lên, không có tin tức xác thực còn sống hay đã chết nên theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 71 Bộ luật dân sự năm 2015, yêu cầu tuyên bố một người là đã chết đối với ông Phạm Văn V của bà Phạm Thị Bạch H là có cơ sở nên chấp nhận.

Về ngày chết của ông V: Theo kết quả xác minh của Công an phường C, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Phạm Văn V không thực tế cư trú tại địa chỉ 145A- 145G đường Đ, phường C, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 1976. Ngoài ra, không có tài liệu chứng cứ nào khác xác định ngày tháng chết của ông V; do đó, ngày chết được xác định theo quy định điểm d khoản 1 Điều 71 Bộ luật dân sự năm 2015 *"Biệt tích 05 năm liền trở lên và không có tin tức xác thực là còn sống, thời hạn này được tính theo quy định tại khoản 1 Điều 68 Bộ luật này"* và khoản 1 Điều 68 Bộ luật dân sự năm 2015 *"...nếu không xác định được ngày, tháng có tin tức cuối cùng thì thời hạn này được tính từ ngày đầu tiên của năm tiếp theo năm có tin tức cuối cùng"*.

[4] Về lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Bạch H là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp lệ phí nên bà H được miễn nộp lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 68, điểm d khoản 1 Điều 71, Điều 72 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 4 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 367, Điều 369, Điều 370, Điều 371, Điều 372, Điều 376, Điều 378, Điều 391, Điều 393 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà Phạm Thị Bạch H:

Tuyên bố ông Phạm Văn V, sinh năm: 1940 (có nơi cư trú cuối cùng tại số 145A- 145G đường Đ, phường C, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh) là đã chết kể từ ngày 01/01/1982.

Quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản của ông Phạm Văn V được thực hiện theo quy định tại Điều 72 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Phạm Thị Bạch H được miễn nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

Hoàn trả toàn bộ số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2021/0001930 ngày 04/4/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh cho bà Phạm Thị Bạch H.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo trong hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định; các đương sự vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo trong hạn 10 ngày kể từ nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định đó được thông báo, niêm yết; Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp và Viện kiểm sát cấp trên có quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- UBND phường C, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(đã ký)

Lê Thanh Phong